

<p>+ Hãy so sánh độ dài $\frac{2}{5} AB$ và $\frac{3}{5} AB$.</p> <p>+ Hãy so sánh $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{5}$?</p> <p>+ Em có nhận xét gì về mẫu số và tử số của hai phân số $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{5}$?</p> <p>+ Vậy muốn so sánh hai phân số cùng mẫu số ta chỉ việc làm như thế nào?</p> <p>- GV yêu cầu HS nêu lại cách so sánh hai phân số cùng mẫu số.</p>	<p>+ $\frac{2}{5} AB < \frac{3}{5} AB$</p> <p>+ $\frac{2}{5} < \frac{3}{5}$</p> <p>+ Hai phân số có mẫu số bằng nhau, phân số $\frac{2}{5}$ có tử số bé hơn, phân số $\frac{3}{5}$ có tử số lớn hơn.</p> <p>+ Ta chỉ việc so sánh tử số của chúng với nhau. Phân số có tử số lớn hơn thì lớn hơn. Phân số có tử số bé hơn thì bé hơn. Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số bằng nhau.</p> <p>- Một vài HS nêu trước lớp.</p> <p>- HS lấy VD về 2 PS cùng MS và tiến hành so sánh</p>
<p>3. Hoạt động thực hành: (18p)</p> <p>* Mục tiêu: - Thực hiện so sánh được hai phân số có cùng mẫu số. - So sánh được một phân số với 1.</p> <p>* Cách tiến hành: Cá nhân, nhóm, cả lớp.</p>	
<p>Bài 1: So sánh hai phân số.</p> <p>- GV yêu cầu HS tự so sánh các phân số, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.</p> <p>- GV chữa bài, có thể yêu cầu HS giải thích cách so sánh của mình. Ví dụ: Vì sao $\frac{3}{7} < \frac{5}{7}$</p> <p>- củng cố cách so sánh các phân số có cùng mẫu số.</p> <p>* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2</p> <p>Bài 2b (3 ý đầu): HSNK làm cả bài.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV hướng dẫn HS bài tập mẫu để rút ra nhận xét theo SGK.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm tiếp các phân số còn lại của bài.</p> <p>- Nhận xét, chốt đáp án.</p>	<p>- Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp</p> <p>Đáp án: VD:</p> <p>a) Vì hai phân số có cùng mẫu số là 7, so sánh hai tử số ta có $3 < 5$ nên $\frac{3}{7} < \frac{5}{7}$.</p> <p>b) $\frac{4}{3} > \frac{2}{3}$ vì $4 > 2$; c) $\frac{7}{8} > \frac{5}{8}$ vì $7 > 5$;</p> <p>d) $\frac{2}{11} < \frac{9}{11}$ vì $2 < 9$</p> <p>- HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp</p> <p>Đáp án:</p> <p>+ Các phân số bé hơn 1 là: $\frac{1}{2}; \frac{4}{5}$ Vì tử số bé hơn mẫu số.</p> <p>+ Các phân số lớn hơn 1 là: $\frac{7}{3}; \frac{6}{5}; \frac{12}{7}$ Vì có tử số lớn hơn mẫu số.</p> <p>+ Phân số bằng 1 là: $\frac{9}{9}$ Vì có tử số và mẫu số bằng nhau.</p> <p>- HS lấy thêm VD về phân số lớn hơn 1, bé hơn 1 và bằng 1.</p>

Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)

4. Hoạt động ứng dụng (1p)

5. Hoạt động sáng tạo (1p)

- HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp

Đáp án:

Các phân số đó là: $\frac{1}{5}; \frac{2}{5}; \frac{3}{5}; \frac{4}{5}$

- Ghi nhớ KT của bài

- Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ (VNEN)

CHIẾN THẮNG CHI LĂNG

VÀ NƯỚC ĐẠI VIỆT BUỔI ĐẦU THỜI HẬU LÊ (T2)

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)

TRƯỜNG HỌC THỜI HẬU LÊ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được sự phát triển của giáo dục thời Hậu Lê (những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học):

+ Đến thời Hậu Lê, giáo dục có qui củ chặt chẽ: ở kinh đô có Quốc Tử Giám, ở các địa phương bên cạnh trường công còn có các trường tư; ba năm có một kì thi Hương và thi Hội; nội dung học tập là Nho giáo,...

+ Chính sách khuyến khích học tập: đặt lễ xướng danh, lễ vinh quy, khắc tên tuổi người đỗ cao vào bia đá dựng ở Văn Miếu.

2. Kỹ năng

- Mô tả được tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học, người được đi học, nội dung học, nề nếp thi cử)

3. Thái độ



- Có ý thức tự hào về truyền thống hiếu học có từ lâu đời.

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BI:

1. Đồ dùng

- GV: + Phiếu học tập cho HS.
+ Tranh minh họa như SGK (nếu có)

- HS: SGK, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: (4p)</p> <p>+ <i>Những sự việc nào thể hiện quyền tối cao của vua Lê</i></p> <p>- GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới</p>	<p>- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét: + Vua có uy quyền tuyệt đối. Mọi quyền hành đều tập trung vào tay vua... quân đội.</p>
<p>2. Bài mới: (30p)</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- Biết được sự phát triển của giáo dục thời Hậu Lê (những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học)</p> <p>- Mô tả được tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học, người được đi học, nội dung học, nền nếp thi cử)</p> <p>* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp</p>	
<p>a. Giới thiệu bài:</p> <p>Văn Miếu – Quốc Tử Giám là một trong những di tích quý hiếm của lịch sử giáo dục nước ta. Nó minh chứng cho sự phát triển của nền giáo dục nước ta, đặc biệt dưới thời Hậu Lê. Để giúp các em thêm hiểu về trường học và giáo dục thời Hậu Lê chúng ta cùng học bài hôm nay <i>Trường học thời Hậu Lê</i>.</p> <p>- Ghi tựa.</p> <p>b. Tìm hiểu bài:</p> <p>HD1: Tổ chức giáo dục dưới thời Lê:</p> <p>- GV phát phiếu học tập yêu cầu HS đọc SGK để các nhóm thảo luận: + <i>Việc học dưới thời Lê được tổ chức như thế nào?</i></p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp: + <i>Lập Văn Miếu, thu nhận cả con em thường dân vào trường Quốc Tử Giám, trường học có lớp học, chỗ ở, kho trữ sách; ở các đạo đều có</i></p>

<p>+ <i>Chế độ thi cử thời Lê thế nào?</i></p> <p>* GV: Giáo dục thời Lê có tổ chức quy củ, nội dung học tập là Nho giáo.</p> <p>HD2: Thời Lê việc học rất được quan tâm:</p> <p>+ <i>Nhà Lê đã làm gì để khuyến khích học tập?</i></p> <p>- GV cho HS xem và tìm hiểu nội dung các hình trong SGK và tranh, ảnh tham khảo thêm: Khuê Văn Các và các bia tiến sĩ ở Văn Miếu cùng hai bức tranh: Vinh quy bái tổ và Lễ xướng danh để thấy được nhà Lê đã rất coi trọng giáo dục .</p> <p>* GV: Nhà Hậu Lê rất quan tâm đến vấn đề học tập. Sự phát triển của giáo dục đã góp phần quan trọng không chỉ đối với việc xây dựng nhà nước, mà còn nâng cao trình độ dân trí và văn hoá người Việt.</p> <p>- <i>Em hãy mô tả tổ chức giáo dục thời Hậu Lê?</i></p> <p>- Giới thiệu cho HS hiểu về thi Hương, thi Hội, thi Đình</p> <p>- GV chốt nội dung bài học</p> <p>3. Hoạt động ứng dụng (1p).</p> <p>- Giáo dục tự hào truyền thống hiếu học của cha ông</p> <p>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</p>	<p><i>trường do nhà nước mở .</i></p> <p>+ <i>Ba năm có một kì thi Hương và thi Hội, có kì thi kiểm tra trình độ của các quan lại.</i></p> <p>- Trả lời cá nhân – Chia sẻ lớp</p> <p>+ <i>Tổ chức Lễ đọc tên người đỗ, lễ đón rước người đỗ về làng, khắc vào bia đá tên những người đỗ cao rồi đặt ở Văn Miếu.</i></p> <p>- HS xem tranh, ảnh.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>+ <i>Tổ chức trường học: Nhà nước lập Văn Miếu, mở Quốc Tử Giám làm trường học, có chỗ ở cho cả HS và kho sách</i></p> <p>+ <i>Người được đi học: con cháu vua, quan và con em thường dân học giỏi.</i></p> <p>+ <i>Nội dung học: Nho giáo.</i></p> <p>+ <i>Nền nếp thi cử: 3 năm có 1 kì thi Hương ở địa phương và thi Hội ở kinh thành. Những người đỗ thi Hội được thi Đình để chọn tiến sĩ.</i></p> <p>- HS đọc Bài học cuối sách</p> <p>- Giới thiệu những điều em biết về Văn Miếu và Quốc Tử Giám.</p> <p>- Tìm hiểu thêm về văn miếu Mao Điền (Cẩm Giàng – Hải Dương)</p>
---	--

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

Thứ tư ngày 29 tháng 1 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
CHỦ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI THẾ NÀO?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).

2. Kỹ năng

- Nhận biết được câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn khoảng 5 câu, trong đó có câu kể Ai thế nào? (BT2).

* HS M3+M4 viết được đoạn văn có 2, 3 câu theo mẫu Ai thế nào? (BT2).

3. Thái độ

- HS có thái độ học tập tích cực, sử dụng đúng câu kể khi nói và viết

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + 2 tờ giấy khổ to viết 4 câu kể (1, 2, 4, 5) trong đoạn văn ở phần nhận xét.

+ 1 tờ giấy khổ to để viết 5 câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn phần LT

- HS: VBT, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5p) + Vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? thường do những từ ngữ nào tạo thành? + VN trả lời cho câu hỏi gì? - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét: + VN do tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành + VN trả lời cho câu hỏi: thế nào?, như thế nào?
2. Hình thành KT (15 p) * Mục tiêu: Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ). * Cách tiến hành: HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp	
a. Nhận xét Bài tập 1:	Cá nhân – Chia sẻ lớp

- Gọi HS đọc và chia sẻ yêu cầu bài tập.
- GV giao việc: đánh số thứ tự các câu.

- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng:
Đoạn văn có 4 câu kể **Ai thế nào?** Đó là các câu 1, 2, 4, 5.

Bài tập 2: Xác định chủ ngữ trong các câu tìm được.

- Chốt lời giải đúng

Bài tập 3: Chủ ngữ trong câu trên...

- Chốt kết quả đúng.

- Chốt lại lưu ý về chủ ngữ của câu kể Ai thế nào?

b. Ghi nhớ:

- Cho HS đọc lại phần ghi nhớ.

- 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.
- Đánh số thứ tự câu. Tìm câu kể **Ai thế nào?** trong đoạn văn.

Nhóm 2 – Chia sẻ lớp

Đáp án:

- + Câu 1: **Hà Nội** tung bừng màu đỏ.
- + Câu 2: **Cả một vùng trời** bát ngát cờ, đèn và hoa.
- + Câu 4: **Các cụ già** vẻ mặt nghiêm trọng.
- + Câu 5: **Những cô gái thủ đô** hơn hờ, áo màu rực rỡ.

Cá nhân – Lớp

Đáp án:

- + CN của các câu trên đều chỉ sự vật có đặc điểm tính chất được nêu ở VN.
- + CN của câu 1 do danh từ riêng Hà Nội tạo thành.
- + CN của câu 2, 4, 5 do cụm danh từ tạo thành.

- HS lắng nghe

- HS đọc ghi nhớ.

3. HĐ luyện tập : (18 p)

* **Mục tiêu:** Nhận biết được câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn khoảng 5 câu, trong đó có câu kể Ai thế nào? (BT2).

* **Cách tiến hành:** Cá nhân - Nhóm - Cả lớp

Bài tập 1: Tìm CN của các câu kể...

- Cho HS đọc yêu cầu BT 1.

Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp

Đáp án:

- + Câu 3: **Màu vàng trên lưng chú** lấp lánh
- + Câu 4: : **Bốn cái cánh** mỏng như giấy bóng.
- + Câu 5: : **Cái đầu** tròn (và) **hai con mắt** long lanh như thủy tinh
- + Câu 6: : **Thân chú** nhỏ và thon vàng...
- + Câu 8: : **Bốn cánh** khẽ rung rung...
- + **Chú chuồn chuồn nước** rất đẹp và đáng yêu

- GDBVMT: *Qua đoạn văn, em thấy hình ảnh chú chuồn chuồn nước hiện*

<p><i>lên như thế nào?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu ý nhắc HS vận dụng trong bài miêu tả con vật sau này <p>Bài tập 2: Viết một đoạn văn khoảng 5 câu.....</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV HD: Các em viết một đoạn văn khoảng 5 câu về một loại trái cây. Đoạn văn ấy có dùng một số câu kể <i>Ai thế nào?</i> không bắt buộc tất cả các câu đều là câu kể <i>Ai thế nào?</i> - GV nhận xét và đánh giá một số bài HS viết hay. <p>4. HĐ ứng dụng (1p)</p> <p>5. HĐ sáng tạo (1p)</p>	<p style="text-align: center;">Cá nhân – Chia sẻ lớp</p> <p>VD:</p> <p>Ví dụ: Trong các loại quả, em thích nhất là xoài. Quả xoài khi chín thật hấp dẫn. Hình dáng bầu bĩnh thật đẹp. Vỏ ngoài vàng ươm. Hương thơm nức...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp nhận xét. <p>- Sửa lại các câu viết chưa hay trong bài tập 3</p> <p>+ Hoàn thiện đoạn văn để ghép vào bài miêu tả cây cối sau này</p>
--	---

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 108: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Củng cố KT về so sánh 2 PS cùng MS, so sánh PS với 1.

2. Kỹ năng

- HS thực hiện so sánh được 2 PS cùng MS, so sánh các PS với 1 và vận dụng so sánh để sắp thứ tự phân số

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

4. Góp phần phát triển các kỹ năng

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* BT cần làm: Bài 1, bài 2 (5 ý cuối), bài 3 (a, c).

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động (3p) + <i>Nêu cách so sánh hai phân số cùng mẫu số?</i> + <i>Bạn hãy nêu VD hai phân số cùng mẫu số?</i> - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới</p>	<p>- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét. + <i>Ta so sánh TS của 2 PS với nhau. PS nào có TS lớn hơn thì phân số đó lớn hơn và ngược lại. Nếu 2 PS có TS bằng nhau thì chúng bằng nhau</i> + <i>HS nối tiếp nêu VD</i></p>
<p>2. HĐ thực hành (30p) * Mục tiêu: HS thực hiện so sánh được 2 PS cùng MS, so sánh các PS với 1 và vận dụng so sánh để sắp thứ tự phân số * Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp</p>	
<p>Bài 1: So sánh hai phân số.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS</p> <p>- Chốt đáp án, khen ngợi/ động viên. - Cùng cố so sánh 2 PS cùng MS</p> <p>Bài 2 (5 ý cuối). HSNK làm cả bài.</p> <p>+ <i>Khi so sánh các phân số với 1 thì phải so sánh các yếu tố nào ở phân số?</i> + <i>Nêu cách so sánh phân số với 1?</i></p> <p>- Nhận xét, đánh giá chung</p> <p>Bài 3a, c: HSNK làm cả bài. + <i>Muốn xếp được các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn chúng ta phải làm gì?</i></p>	<p>- Làm cá nhân – Lớp</p> <p><u>Đáp án:</u></p> <p>a) $\frac{3}{5}$ và $\frac{1}{5}$ Vì $3 > 1$ nên $\frac{3}{5} > \frac{1}{5}$ b) $\frac{9}{10}$ và $\frac{11}{10}$ Vì $9 < 11$ nên $\frac{9}{10} < \frac{11}{10}$ c) $\frac{13}{17}$ và $\frac{15}{17}$ Vì $13 < 15$ nên $\frac{13}{17} < \frac{15}{17}$ d) $\frac{25}{19}$ và $\frac{22}{19}$ Vì $25 > 22$ nên $\frac{25}{19} > \frac{22}{19}$</p> <p>- Gọi HS tìm hiểu đề bài. + <i>Khi so sánh các phân số với 1 thì phải so sánh tử số và mẫu số của phân số.</i> + <i>Nếu tử số bé hơn mẫu số thì PS bé hơn 1...</i> - HS làm cá nhân – Nhóm 2 - Chia sẻ lớp</p> <p><u>Đáp án:</u></p> <p>- Phân số bé hơn 1 là: $\frac{1}{4}; \frac{3}{7}; \frac{14}{15}$ - Phân số lớn hơn 1 là: $\frac{9}{5}; \frac{14}{11}$ - Phân số bằng 1 là: $\frac{16}{16}$</p> <p>+ <i>Chúng ta phải so sánh các phân số với nhau.</i> + <i>Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.</i></p>

<p>+ <i>Nêu cách so sánh hai phân số cùng mẫu?</i></p>	<p>+ <i>Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.</i> + <i>Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số bằng nhau.</i> - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp Đáp án: a) Vì $1 < 3 < 4$ nên $\frac{1}{5} < \frac{3}{5} < \frac{4}{5}$ b) Vì $5 < 6 < 8$ nên $\frac{5}{7} < \frac{6}{7} < \frac{8}{7}$ c) Vì $5 < 7 < 8$ nên $\frac{5}{9} < \frac{7}{9} < \frac{8}{9}$ d) Vì $10 < 12 < 16$ nên $\frac{10}{11} < \frac{12}{11} < \frac{16}{11}$</p>
<p>3. Hoạt động ứng dụng (1p) 4. Hoạt động sáng tạo (1p)</p>	<p>- Chữa lại các phân bài tập làm sai - BT PTNL: Hãy viết 2 PS bé hơn 1, 1 PS bằng 1 và 2 PS lớn hơn 1. Sắp xếp các PS đó theo thứ tự từ bé đến lớn</p>

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC LỊCH SỰ VỚI MỌI NGƯỜI (tiết 2)

I.MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức**
 - Biết thế nào là lịch sự với mọi người
 - Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người.
 - 2. Kỹ năng**
 - Nêu được ví dụ về cư xử lịch sự với mọi người.
 - Chọn lựa được những việc làm thể hiện ứng xử lịch sự với mọi người.
 - 3. Thái độ**
 - Biết cư xử lịch sự với những người xung quanh.
 - 4. Góp phần phát triển các năng lực**
 - NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo
- * **KNS:** - *Thể hiện sự tự trọng và tôn trọng người khác*
 - *Ứng xử lịch sự với mọi người*
 - *Ra quyết định lựa chọn hành vi và lời nói phù hợp trong tình huống*
 - *Kiểm soát khi cần thiết*

II. CHUẨN BI:

1. Đồ dùng

- GV: Các tấm bìa xanh, đỏ, vàng. Một số đồ dùng cho trò chơi đóng vai.
- HS: SGK, SBT

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: (2p) + <i>Vì sao phải lịch sự với mọi người?</i> + <i>Nêu một vài biểu hiện của phép lịch sự với mọi người.</i> - Nhận xét, chuyển sang bài mới	-TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét + Vì lịch sự thể hiện sự tôn trọng người khác. Lịch sự với mọi người sẽ luôn được yêu quý + Chào hỏi người lớn tuổi, nói năng lịch sự với người trên.
2. Bài mới (30p) * Mục tiêu: - Biết bày tỏ ý kiến về các hành vi thể hiện lịch sự với mọi người - Đóng vai xử lí các tình huống về lịch sự với mọi người. * Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp	
HD1: Bày tỏ ý kiến (Bài tập 2- SGK/33): - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. - YC HS thảo luận cặp đôi làm bài. - GV lần lượt nêu từng ý kiến của bài tập 2, HS bày tỏ ý kiến bằng cách chọn và giơ thẻ màu bày tỏ sự lựa chọn của mình. - GV đề nghị HS giải thích về lí do lựa chọn của mình. - GV kết luận. + Các ý kiến c, d là đúng. + Các ý kiến a, b, đ là sai. HD 2: Đóng vai (Bài tập 4- SGK/33): - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận, chuẩn bị đóng vai tình huống bài tập 4. - GV nhận xét chung. * Kết luận chung:	Nhóm 2 – Lớp - Đọc và xác định yêu cầu bài tập. - Hoạt động cặp đôi. - Báo cáo kết quả bằng cách giơ thẻ màu - HS đại diện giải thích sự lựa chọn của nhóm - HS đọc tình huống trước khi đóng vai. - Các nhóm HS thảo luận chuẩn bị cho đóng vai. - Hai nhóm HS lên đóng vai; Các nhóm khác có thể lên đóng vai nếu có cách giải quyết khác. - Lớp nhận xét, đánh giá các cách giải quyết.
HD 3: Giải nghĩa câu ca dao (BT 5)	